

Số: 72 /CV-CTN

Phú Yên, ngày 19 tháng 4 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCK NHÀ NƯỚC.**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên
(Mã chứng khoán PWS)

Trụ sở chính: 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Điện thoại: 0257 3827030

Fax: 0257 3828388

Người thực hiện công bố thông tin:

Họ và tên: Lê Xuân Triết – Giám đốc Công ty

Địa chỉ: 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Điện thoại: 0257 3827030

Fax: 0257 3828388

Loại thông tin công bố:

☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại đường dẫn <http://capthoatnuocpy.com.vn/cong-bo-thong-tin.html> kể từ ngày 19/4/2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GD&ĐT;
- Các thành viên HĐQT C.ty;
- Ban Kiểm soát C.ty;
- Lưu: VT+Tổ CBTT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Triết

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
NĂM 2017**

*(Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I./ Thông tin chung:

1./ Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 11 năm 2015
- Vốn điều lệ: 236.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu tỷ đồng)
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 236.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu tỷ đồng)
- Trụ sở chính: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại: (0257) 3823 557
- Fax: (0257) 3828 388
- Website: www.capthoatnuocpy.com.vn
- Mã chứng khoán: PWS
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên là Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển:

+ *Giai đoạn 9/1996 – 8/2000:*

Được thành lập vào ngày 28/9/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, với tên gọi là Công ty Cấp nước Phú Yên hoạt động công ích theo Quyết định số 1443/QĐ-UB của UBND Tỉnh, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m³/ngày.

+ *Giai đoạn 9/2000 – 11/2005:*

Ngày 14/8/2000 Công ty được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 2025/QĐ-UB của UBND Tỉnh với chức năng, nhiệm vụ được giao thêm là quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa).

+ *Giai đoạn 12/2005 đến nay*

Từ ngày 22/12/2005, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 10/11/2015 được chuyển thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

2./ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1/ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch;
- Hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị);

2.2/ Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên như sau:

- Nhà máy nước Tuy Hòa – thành phố Tuy Hòa;
- Nhà máy nước Sông Cầu – thị xã Sông Cầu;
- Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu – thị xã Sông Cầu;
- Nhà máy nước Tuy An – Huyện Tuy An;
- Nhà máy nước Đồng Xuân – huyện Đồng Xuân;
- Nhà máy nước Hai Riêng – huyện Sông Hinh;
- Nhà máy nước Cùmg Sơn – huyện Sơn Hòa;
- Nhà máy nước Phú Hòa – huyện Phú Hòa;
- Nhà máy nước Vũng Rô – huyện Đông Hòa.

3./ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1/ Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát

3.2/ Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban giám đốc:

- + Giám đốc phụ trách chung
- + Phó giám đốc phụ trách kinh doanh
- + Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật
- + Phó Giám đốc phụ trách tài chính và kiêm Giám đốc Xí nghiệp Tư vấn – Xây lắp – Chi nhánh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

- Các phòng ban gồm:

- + Phòng Tổ chức – Hành chánh
- + Phòng Kế toán – Tài vụ
- + Phòng Kế hoạch – Vật tư
- + Phòng Kỹ thuật
- + Xí nghiệp Tư vấn – Xây lắp
- + Xí nghiệp Cấp nước số 1
- + Xí nghiệp Cấp nước số 2
- + Xí nghiệp Cấp nước số 3
- + Ban điều hành dự án

3.3/ Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4./ Định hướng phát triển:

4.1/ Các mục tiêu chủ yếu:

Đến năm 2020, tiêu chuẩn cấp nước bình quân tại các đô thị từ loại IV trở lên đạt 120lít/người/ngày đêm, các đô thị loại V đạt 100 lít/người/ngày đêm; chất lượng nước cấp đạt quy chuẩn quy định;

Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày;

Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp nước đô thị;

Đầu tư phát triển đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của nhà nước;

Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ;

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải thành phố Tuy Hòa theo nhiệm vụ được phân công;

Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững;

Đời sống của người lao động ngày càng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người ở mức trên trung bình so với các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

4.2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tập trung nhiều giải pháp để giảm thất thoát, thất thu nước sạch, mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ thất thoát dưới 15%.

Cùng với định hướng phát triển đô thị của tỉnh Phú Yên, định hướng phát triển cấp nước đến năm 2020 90% dân số đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên được sử dụng nước sạch, đến 2025 là 99%.

Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành gắn với các chương trình hợp tác đầu tư dịch vụ phục vụ cấp nước.

Sử dụng có hiệu quả và bảo toàn vốn của Công ty.

4.3/ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Từng bước chuyển đổi nguồn nước khai thác từ nước ngầm sang nước mặt ở những khu vực có điều kiện khai thác nước mặt, phù hợp với công nghệ của từng nhà máy để đảm bảo tính bền vững, giảm chi phí, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 90% sản lượng khai thác nguồn nước mặt; chú trọng đến trong tác bảo vệ môi trường trong khai thác nước và xử lý nước thải của các nhà máy.

Đáp ứng đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho cộng đồng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu bệnh tật do sử dụng nguồn nước ô nhiễm.

Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác và kinh doanh nước sạch; hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước.

Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

5./ Rủi ro:

Khách hàng sử dụng nước thuộc các Xí nghiệp tại các thị trấn thuộc các huyện trong tỉnh không nhiều do mật độ dân cư thưa thớt, trong khi đó chi phí sản xuất cao dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp, thường xuyên phải bù lỗ.

Một số tuyến ống được đầu tư trên 15 năm thường hay rò rỉ làm chi phí sửa chữa tăng và thất thoát lớn.

Các giếng khai thác được đặt ở các vị trí ven sông, nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ cao, ảnh hưởng đến khả năng khai thác của các nhà máy.

II./ Tình hình hoạt động năm 2017

1./ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So với kế hoạch (%)
1	Sản lượng nước sản xuất TBI	m3	13.100.000	12.339.838	94,2%
2	Sản lượng nước sản xuất TBII	m3	12.500.000	11.890.766	95,1%
3	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	10.350.000	9.811.715	94,8%
4	Tỷ lệ hao hụt	%	21,00	20,5	
5	Tổng doanh thu, trong đó:		104.000	96.243	92,5%
5.1	- Sản phẩm nước sạch	Tr.đồng	94.000	88.632	94,3%
5.2	- Hoạt động kinh doanh khác	Tr.đồng	8.000	4.086	51,1%
5.3	- Hoạt động tài chính	Tr.đồng	2.000	3.096	154,8%
5.4	- Thu nhập khác	Tr.đồng		429	
6	Nộp ngân sách (thuế)	Tr.đồng	6.000	8.535	142,3%
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.000	16.715	152,0%

2./ Tổ chức và nhân sự:

2.1/ Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ nghề nghiệp	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Lê Xuân Triết	Giám đốc	01/5/1962	163 Nguyễn Huệ, phường 5, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp	03/11/2015	12.380.600
2	Nguyễn Phú Liệu	Phó Giám đốc	08/9/1966	Tổ 13, khu phố Trần Phú, P8, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng - chuyên ngành Cấp thoát nước	03/11/2015	5.000
3	Phan Trọng Thư	Phó Giám đốc	10/10/1968	361 Trường Chinh, Phường 7, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Quản trị kinh	03/11/2015	2.362.200

					doanh		
4	Nguyễn Tấn Thuận	Phó Giám đốc	28/5/1967	123 Hùng Vương, Phường 6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng Dân và công nghiệp	03/11/2015	30.300
5	Trần Thị Lục Hà	Kế toán trưởng	04/5/1961	314 Trần Hưng Đạo, phường 6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Tài chính Kế toán	16/05/2016	3.000

2.2/ Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3/ Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ, người lao động trong công ty tính đến ngày 31/12/2017 là: 214 người, phân loại lao động chi tiết theo bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	214	
1. Phân loại theo trình độ lao động		
- Trình độ trên Đại học	4	1,87
- Trình độ Đại học	50	23,36
- Trình độ Cao đẳng	26	12,15
- Trình độ Trung cấp	24	11,22
- Chứng chỉ nghề	110	51,40
- Công nhân kỹ thuật		
- Lao động phổ thông		
2. Phân theo loại hợp đồng lao động		
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	151	70,56
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	51	23,83
- Hợp đồng lao động thời vụ, thử việc	12	5,61
3. Phân theo giới tính		
- Nam	169	78,97
- Nữ	45	21,03

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền ăn ca, đồng phục, bảo hộ lao động, tham quan, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau, và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

3./ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1/ Các khoản đầu tư lớn: Công ty thực hiện đầu tư xây dựng trong năm 2017 như sau:

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch năm 2017 (tr.đồng)	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Khối lượng thực hiện (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)
	Tổng số		32.330	162.818	8.063	7.330
I	Các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng					
1	Xây dựng 01 giếng khai thác nước mặt tại Hòa An, công suất 5.000 m ³ /ngày đêm	9/2017	2.500	2.911	2.613	2.500
2	Phát triển mạng tuyến ống cấp nước bên trong khu nhà ở cán bộ chiến sỹ Công an Tỉnh	11/2017	400	470	340	340
3	Phát triển tuyến ống dịch vụ khu vực thị xã Sông Cầu	11/2017	300	264	236	226
4	Cải tạo các tuyến ống dịch vụ cũ thuộc mạng lưới cấp nước thành phố Tuy Hòa	3/2017	500	360	237	237
5	Cải tạo, sửa chữa các trạm cấp nước, trụ sở làm việc các NMN năm 2017	12/2017	500	700	807	500
6	Phát triển tuyến ống dịch vụ khu vực huyện Đông Hòa	01/2018	700	943	900	700
7	Cải tạo tuyến ống dịch vụ khu vực thị xã Sông Cầu	01/2018	200	200	190	180
8	Lắp đặt thiết bị đo liên tục chất lượng nước tại Nhà máy nước Tuy Hòa	01/2018	1.000	270	250	250

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch năm 2017 (tr.đồng)	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Khối lượng thực hiện (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)
II	Các công trình đang triển khai chuyển tiếp trong năm 2018					
1	Xây dựng hệ thống SCADA quản lý mạng lưới cấp nước thành phố Tuy Hòa	02/2018	800	800	400	400
2	Cải tạo mạng lưới cấp nước nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh	2018	2.000	3.200	200	200
3	Nâng cấp tuyến ống chuyển tải cấp nước cho khu vực xã An Ninh Đông, Anh Ninh Tây - huyện Tuy An	2018	2.200	2.700	200	200
4	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tuy Hòa đạt công suất 28.000m ³ /ngày đêm	2018	17.640	80.000	400	307
5	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000m ³ /ngày đêm lên 8.000m ³ /ngày đêm	2020	500	30.000	50	50
6	Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m ³ /ngày đêm lên 5.000m ³ /ngày đêm	2020	500	40.000	50	50
7	Phát triển tuyến ống dịch vụ khu vực phường 9, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa	2018	1.400			
III	Trả nợ các công trình đã hoàn thành phê duyệt quyết toán		1.190		1.190	1.190

3.2/ Các công ty con, công ty liên kết: Không

4./ Tình hình tài chính:

4.1/ Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng (+)/ giảm (-)
1	2	3	4=(3-2)/2
Tổng giá trị tài sản	400.298.600.231	395.349.130.803	-1,24%
Doanh thu thuần	89.190.302.581	92.718.692.831	3,96%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.337.764.993	16.385.106.032	158,53%
Lợi nhuận khác	2.827.666.325	329.627.724	-88,34%
Lợi nhuận trước thuế	9.165.431.318	16.714.733.756	82,37%
Lợi nhuận sau thuế	7.261.056.463	13.325.115.166	83,51%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,5%	3,5%	40,00%

4.2/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,41	2,69	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,30	2,59	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,39	0,37	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,65	0,58	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	14,67	14,39	

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,22	0,23	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,18	

5./ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

5.1/ Cổ phần:

- Tổng số phiếu: 23.600.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), trong đó:

- Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 15.031.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 8.569.000 cổ phiếu

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

5.2/ Cơ cấu cổ đông:

Bảng 1: Cổ đông lớn (nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần) và cổ đông nhỏ

TT	Tên cổ đông	CMT/ GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% VDL
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên		Số 07 Đường Độc lập, Phường 7, Tp.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	14.740.600	62,46%
2	Công ty Cổ phần nước Aqua One	Số 0313062501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2014 và sửa đổi lần thứ 2 ngày 03/02/2015	04 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh	8.260.000	35,00%

TT	Tên cổ đông	CMT/ GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% VĐL
3	Cổ đông còn lại			599.400	2.54%
Tổng cộng				23.600.000	100%

Bảng 2: Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	201	23.600.000	100%
	<i>Tổ chức</i>	2	23.000.600	97,46%
	<i>Cá nhân</i>	199	599.400	2,54%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		201	23.600.000	100%

5.3/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi trong năm 2017.

5.4/ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch trong năm 2017.

5.5/ Các chứng khoán khác: Không phát hành trong năm 2017.

6./ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1/ Quản lý nguồn vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.2/Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Tổng lượng điện tiêu thụ khoảng 5,3 triệu kw.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không

6.3/ Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước: Do Công ty cung cấp

Lượng nước sử dụng khoảng 3.000m³/năm.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4/ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5/ Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Đến thời điểm 31/12/2017 tổng người lao động tại Công ty là 214 người

Mức lương bình quân:

- Mức lương bình quân công ty năm 2016: 6.650.000 đồng/người/tháng
- Mức lương bình quân công ty năm 2017: 6.916.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Không

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không.

6.6/ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.7/ Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III./ Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1./ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Đánh giá kết quả hoạt động:

Năm 2017 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã bảo đảm thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ kế hoạch được giao, các chỉ tiêu chính theo kế hoạch đã cơ bản hoàn thành. Sản lượng nước đạt 95% và doanh thu đạt khoảng 93% kế hoạch.

Điều hành hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và mua bán vật tư chưa có kết quả, doanh số đạt tỉ lệ rất thấp. Công tác triển khai đầu tư các dự án chậm trễ đã có ảnh hưởng đến kế hoạch mở rộng phát triển khách hàng. Tuy nhiên các chỉ tiêu về lợi nhuận từ hiệu quả quản lý và chấp hành thu nộp nhân sách đạt kết quả khá cao.

Ứng dụng tiện ích công nghệ thông tin mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác quản lý và kinh doanh.

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Duy trì việc cung cấp nước ổn định, chất lượng, đảm bảo nước cho khách hàng sử dụng, công tác chống thất thoát nước có hiệu quả, giảm 0,5% (kế hoạch 21% thực hiện 20,5%); sử dụng năng lượng tiết kiệm (0,43 so với kế hoạch 0,44).

Cải tiến công tác ghi - thu tiền nước đúng thời hạn chính xác, kịp thời, luôn có chính sách phục vụ không gây phiền hà cho khách hàng.

Các quy định, quy chế quản lý luôn được hoàn thiện và sửa đổi bổ sung.

2./ Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tình hình quản lý tài sản: Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tình hình biến động các loại tài sản theo đúng quy định của Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: "Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp".

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2017 là 395.349 triệu đồng, giảm 4.949 triệu đồng tương ứng với giảm 1,24% so với năm 2016, trong năm Công ty trả nợ khoản vay từ dự án cấp nước và vệ sinh ADB3.

Về cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 18,9% trên tổng tài sản, trong đó: tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 8,36%, khoản đầu tư ngắn hạn chiếm 8,6%, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 1,19%, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác chiếm 0,74%.

Khoản nợ phải trả cuối năm 2017 là 145.692 triệu đồng giảm 11.708 triệu đồng ứng với giảm 7,44% so với năm 2016, trong năm Công ty có chi trả khoản vay dự án ADB3 nên giảm khoản nợ phải trả. Cuối năm 2017 Công ty còn nợ phải trả dài hạn là 117.947 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 80,96% nợ phải trả.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn): 2,69
- Hệ số thanh toán nhanh: ((TS ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn): 2,59
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản : 0,37
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu : 0,58

Công ty sử dụng vốn hiệu quả, vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ (khả năng thanh toán ngắn hạn: 2,69 lần; khả năng thanh toán nhanh là 2,59 lần).

3./ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Ứng dụng những tiện ích của công nghệ thông tin trong công tác quản lý, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua website của Công ty với những thông tin như tra cứu về thông tin tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết thu tiền qua ngân hàng, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng...

Thực hiện các quy trình, quy định đã cải tiến phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, đồng thời xây dựng và ban hành nhiều quy định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong điều kiện mới; tạo cơ chế thuận lợi trong việc thực hiện nhanh các yêu cầu lắp đặt nước cho khách hàng ngay khi khách hàng có yêu cầu; kết hợp công tác cải tạo, phát triển mạng lưới với việc gắn mới đồng hồ nước nhằm đáp ứng nhanh yêu cầu của khách hàng.

Đa dạng hóa việc thanh toán hóa đơn tiền nước qua hệ thống Ngân hàng bằng các hình thức ủy nhiệm thu; thu qua thẻ ATM, thu tại quầy ngân hàng và tiếp tục nghiên cứu thêm các kênh thanh toán tiện ích cho khách hàng và nâng cao tỷ trọng tiền nước thu được không dùng tiền mặt, đảm bảo công tác quản lý thu nộp tiền nước của Công ty ngày càng an toàn hơn.

Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm thất thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

Ban hành quy định thường và xử lý trách nhiệm trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong việc tham gia chống thất thoát nước sạch và xác định trách nhiệm vật chất của người trực tiếp gây ra thất thoát nước, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cũng như các tổ chức khác trong công tác quản lý chống thất thoát nước sạch tại Công ty.

4./ Kế hoạch phát triển năm 2018:

4.1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Căn cứ Kế hoạch SXKD 5 năm (2016-2020) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/9/2016 và Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch của HĐQT, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 cụ thể như sau.

- Sản lượng nước sản xuất : 13.200.000 m³;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 10.500.000 m³;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 20,5%;
- Tổng doanh thu : 107.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 16.500 triệu đồng;
- Nộp ngân sách : 8.700 triệu đồng;
- Vốn điều lệ : 386.000 triệu đồng;

4.2/. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2018 là: 105.000 triệu đồng, gồm danh mục đầu tư sau đây:

a) Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tuy Hòa công suất $28.000\text{m}^3/\text{ng.đ.}$: 65.000 triệu đồng,

b) Dự án đầu tư nâng cấp Nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu, công suất từ $900\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ lên $5.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; và Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu từ $5.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ lên $8.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$: 13.640 triệu đồng,

c) Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước cho các khu dân cư trong toàn Tỉnh: 8.400 triệu đồng,

d) Thay đổi công nghệ; thay thế máy móc thiết bị; cải tạo và thay thế một số tuyến cũ: 5.000 triệu đồng,

e) Đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh khác: 10.000 triệu đồng,

g) Trả nợ khối lượng thực hiện của các dự án từ các năm trước chuyển sang: 2.960 triệu đồng.

4.3/ Biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:

a) Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Cần tập trung các công tác: an toàn cấp nước của các nhà máy nước để đảm bảo dịch vụ cung ứng nước đến khách hàng; duy trì kiểm soát chất lượng nước theo Quy chuẩn của Bộ Y tế; thực hiện các biện pháp chống thất thoát và giảm tiêu hao điện năng cho các nhà máy. Triển khai các dự án đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất. Đổi mới quy trình quản lý khách hàng; khuyến khích thu tiền nước qua ngân hàng và tại các điểm thu tập trung tại quầy.

- Có các giải pháp về điều tiết cấp nước cho các khu vực bất lợi tại thành phố Tuy Hòa và thị xã Sông Cầu, chủ động kiểm soát để bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, hạn chế tình trạng thiếu nước và giảm áp lực nước cấp vào những thời điểm nắng nóng.

- Tổ chức quản lý có hiệu quả các hoạt động SXKD, mở rộng sản xuất kinh doanh về dịch vụ tư vấn, xây lắp công trình chuyên ngành, mua bán vật tư chuyên ngành và một số ngành nghề đơn vị có lợi thế.

b) Đầu tư phát triển:

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm của Công ty gồm: Dự án cải tạo, nâng công suất cấp nước cho các nhà máy nước thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu và Khu vực Đông Bắc Sông Cầu theo kế hoạch. Khẩn trương triển khai Dự án Cải tạo mạng tuyến ống cấp nước xã An Ninh Đông, An Ninh Tây huyện Tuy An và Dự án cải tạo hệ thống cấp nước NMN Hai Riêng, huyện Sông Hinh.

- Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực thành phố Tuy Hòa và địa bàn các huyện tại các khu vực có nhu cầu sử dụng nước cao để tăng lượng khách

hàng sử dụng nước; tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý và hiệu quả.

- Đầu tư thiết bị công nghệ, cải tạo thay thế tuyến các ống phân phối để cải thiện lưu lượng và áp lực nước trên mạng tại các nhà máy nước trong Tỉnh, đảm bảo cấp đủ nước cho một số khu vực xa trung tâm, có bất lợi về địa hình.

c) Quản trị doanh nghiệp:

- Thực hiện các ý kiến của UBND tỉnh với tư cách là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty để duy trì công tác quản lý điều hành hoạt động của doanh nghiệp; triển khai kế hoạch huy động tăng vốn điều lệ để đầu tư phát triển, bảo đảm kế hoạch thoái vốn phần vốn nhà nước theo chủ trương của Chính phủ.

- Xây dựng cơ chế phối hợp với nhà đầu tư chiến lược để tạo sự đồng thuận trong HĐQT và Ban Kiểm soát; xây dựng bổ sung một số quy chế cần thiết cho phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển của doanh nghiệp trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung các quy chế quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, nội quy lao động, các quy định quản lý hoạt động phù hợp với thực tế hoạt động của Doanh nghiệp. Chú trọng nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị và người đứng đầu các bộ phận trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tăng cường kiểm soát công tác tài chính và tổ chức hoạt động các đơn vị quản lý trực thuộc để từng bước thực hiện cơ chế ủy quyền và chủ động quản lý kinh doanh tại cơ sở.

- Quản lý, sắp xếp lao động hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc của người lao động, đồng thời duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Chú trọng quy chế trả lương, xét thưởng cho người quản lý và người lao động trong Công ty. Kiểm soát vận hành Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và thực hiện công bố thông tin minh bạch.

5./ Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6./ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Không

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Nhìn chung, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên có đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác, tăng trưởng. Tuy nhiên, vẫn còn một số người lao động trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí công tác, chưa nhận thức hết yêu cầu làm việc trong môi trường công ty cổ phần, chưa thay đổi phong cách làm việc cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới nên hiệu quả công việc mang lại chưa cao.

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Doanh nghiệp đã thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng qua các việc sau:

- Duy trì sản xuất ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế, đảm bảo sức khỏe của người dùng.

- Tham gia tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2017 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động là 130.000.000 đồng

IV./ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1./ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Hoạt động sản xuất và cung ứng nước sạch của Công ty được duy trì ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

Các hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Điều hành được duy trì theo đúng điều lệ. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2017 để sửa đổi điều lệ quản lý Công ty, thống nhất kế hoạch huy động bổ sung vốn điều lệ Công ty trong năm 2018 và chi trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông. Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin của Công ty đại chúng; thực hiện đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường Upcom cho cổ đông.

Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn.

2./ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong điều hành để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết, tình hình kinh tế-xã hội, trình tự thủ tục quản lý theo quy định hiện hành còn chồng chéo, Ban Giám đốc hoạt động chưa đều tay, có thành viên trong công tác lãnh đạo chỉ đạo còn thụ động, kém hiệu quả...nên các chỉ tiêu về sản lượng nước sản xuất, tiêu thụ và doanh thu không đạt kế hoạch. Lợi nhuận vượt kế hoạch 150,5% phần lớn là do điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch chứ không phải do tăng sản lượng nước tiêu thụ. Một số mục tiêu của HĐQT có đề ra nhưng thực hiện chậm như việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc danh mục đầu tư phát triển năm 2017, phương án huy động tăng vốn điều lệ, tăng doanh thu các lĩnh vực đầu tư ngoài doanh thu từ lĩnh vực cấp nước, giảm tỷ lệ nước thất thoát ...

3./ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

3.1/ Sản xuất kinh doanh:

Chỉ đạo, quản trị hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty để đạt và vượt các chỉ tiêu chính sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 13.200.000 m³;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 10.500.000 m³;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 20,5%;
- Tổng doanh thu : 107.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 16.500 triệu đồng;
- Nộp ngân sách : 8.700 triệu đồng;

Công ty đảm bảo thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung.

3.2/ Công tác đầu tư:

Kịp thời phê duyệt danh mục dự án và kế hoạch phân bổ vốn đầu tư năm 2018 và chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty.

Chỉ đạo Ban Điều hành Công ty tổ chức thực hiện các dự án trọng điểm trong năm gồm:

- Dự án cải tạo, nâng công suất cấp nước cho các nhà máy nước thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu và khu vực Đông Bắc Sông Cầu theo kế hoạch. Khả năng triển khai dự án cải tạo mạng tuyến ống cấp nước xã An Ninh Đông, An Ninh Tây huyện Tuy An và dự án cải tạo hệ thống cấp nước NMN Hai Riêng, huyện Sông Hinh.

- Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực thành phố Tuy Hòa và địa bàn các huyện tại các khu vực có nhu cầu sử dụng nước cao để tăng lượng khách hàng sử dụng nước; tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý và hiệu quả.

- Đầu tư thiết bị công nghệ, cải tạo thay thế tuyến các ống phân phối để cải thiện lưu lượng và áp lực nước trên mạng tại các nhà máy nước trong tỉnh, đảm bảo cấp đủ nước cho một số khu vực xa trung tâm, có bất lợi về địa hình.

3.3/ Về quản lý:

- Sửa đổi Điều lệ Công ty, xây dựng Quy chế quản trị doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;

- Chỉ đạo đẩy nhanh việc thực hiện phương án huy động vốn được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định đã ban hành nhưng còn bất cập trong thực tiễn thực hiện;

- Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, đảm bảo yêu cầu phân quyền; phân cấp cho các đơn vị trong Công ty để các đơn vị chủ động trong điều hành sản xuất;

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành một cách có hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3.4/ Về nhân sự - lao động:

Ổn định lực lượng lao động; đảm bảo đời sống người lao động ngày được cải thiện.

Chú trọng công tác quy hoạch nhân sự nòng cốt, tiếp tục kiện toàn công tác nhân sự; nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn và thân thiện với khách hàng; nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu chất lượng dịch vụ khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung... để xây dựng Công ty ngày một phát triển, chuyên nghiệp và hiện đại.

V./ Báo cáo tài chính:

1./ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã được lập đúng quy định.

2./ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

3./ Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

Đánh giá của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 1.0531/18/TC-AC ngày 26/3/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4./ **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** toàn nội dung Báo cáo tài chính năm 2017 được đính kèm theo báo cáo này.

Kính báo cáo./.

Stee

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Tổ CBTT.



Lê Xuân Triết

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Phú Yên theo Quyết định số 69/KH – UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3604000018, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4400115690 ngày 15 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 9 năm 2014 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh nhà máy nước.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 9 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 11 năm 2015 về việc chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
- Điện thoại : 0257.3827030 - 3823557
- Fax : 0257.3828388

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp Tư vấn và Xây lắp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 1	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch (mã ngành 3600);
- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước (mã ngành 7110);
- Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước (mã ngành 4290);



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 4663);
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống cống, gôỉ đỡ cống, tấm đan (mã ngành 2395);
- Gia công phụ kiện chuyên ngành nước như BB, BU, côn, cút, tê (mã ngành 2599);
- Sản xuất cát, sỏi lọc nước (mã ngành 2399);
- Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 2013);
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị) (mã ngành 3700).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phú Liệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2016
Ông Lê Xuân Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Phan Trọng Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016
Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thế Thanh Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Triết	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tấn Thuần	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Phú Liệu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Phan Trọng Thư	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Trần Thị Lục Hà	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Triết - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc,



Lê Xuân Triết
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Số: 1.0531/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nguyễn Thị Minh Hà - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2743-2014-008-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.704.869.146	62.874.082.969
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.063.331.099	49.115.441.926
1. Tiền	111		4.963.331.099	5.615.441.926
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.100.000.000	43.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.000.000.000	5.700.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	34.000.000.000	5.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.719.266.470	5.040.616.156
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.410.890.922	4.082.187.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	485.193.560	182.251.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.823.181.988	776.177.042
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.798.679.719	2.773.054.086
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.798.679.719	2.773.054.086
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		123.591.858	244.970.801
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	115.847.329	244.970.801
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	7.744.529	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.644.261.657	337.424.517.262
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		311.567.342.708	328.932.764.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	310.804.419.698	328.426.982.641
- Nguyên giá	222		535.575.649.068	532.881.702.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(224.771.229.370)	(204.454.720.177)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	762.923.010	505.781.703
- Nguyên giá	228		1.310.393.889	765.886.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(547.470.879)	(260.104.933)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.661.900.620	3.003.306.106
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.661.900.620	3.003.306.106
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.415.018.329	5.488.446.812
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.791.680.798	5.334.989.281
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	569.000.000	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	54.337.531	153.457.531
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		395.349.130.803	400.298.600.231

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		145.692.267.755	157.400.596.591
I. Nợ ngắn hạn	310		27.745.336.949	26.123.271.441
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a,b	1.602.588.471	2.099.265.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	33.240.894	1.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.155.696.866	1.247.314.891
4. Phải trả người lao động	314	V.16	6.604.961.338	4.194.362.601
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.770.498.293	1.383.611.624
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,b	1.547.697.162	3.628.649.599
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	13.330.394.344	13.330.394.344
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	700.259.581	238.672.823
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		117.946.930.806	131.277.325.150
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	117.946.930.806	131.277.325.150
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.656.863.048	242.898.003.640
I. Vốn chủ sở hữu	410		249.656.863.048	242.898.003.640
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	236.000.000.000	236.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.000.000.000	236.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	1.695.564.340	363.052.823
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	11.961.298.708	6.534.950.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		634.950.817	6.534.950.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.326.347.891	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		395.349.130.803	400.298.600.231

Phú Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Thị Xuân Tựu
Người lập biểu



Trần Thị Lục Hà
Kế toán trưởng



Lê Xuân Triết
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92.718.692.831	89.190.302.581
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92.718.692.831	89.190.302.581
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	40.076.000.914	42.098.163.888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.642.691.917	47.092.138.693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.095.884.861	2.883.660.277
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.507.459.650	10.683.883.049
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.507.459.650	10.683.883.049
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.275.073.862	23.753.928.951
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.570.937.234	9.200.221.977
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.385.106.032	6.337.764.993
11. Thu nhập khác	31	VI.7	428.564.779	2.829.201.135
12. Chi phí khác	32	VI.8	98.937.055	1.534.810
13. Lợi nhuận khác	40		329.627.724	2.827.666.325
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.714.733.756	9.165.431.318
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	3.958.618.590	1.904.374.855
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(569.000.000)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.325.115.166	7.261.056.463
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,c	536	292
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b,c	536	292


 Nguyễn Thị Xuân Tựu
 Người lập biểu


 Trần Thị Lục Hà
 Kế toán trưởng

Phú Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018


 Lê Xuân Triết
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.714.733.756	9.165.431.318
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	20.713.937.302	22.991.988.609
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7	(3.083.972.217)	(2.851.972.011)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.507.459.650	10.683.883.049
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.852.158.491	39.989.330.965
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		623.042.863	6.707.909.122
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	73.494.367	194.065.123
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		812.083.079	(89.548.641.608)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		254.243.688	1.058.743.583
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4; V.17	(8.593.396.700)	(13.514.275.254)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(3.313.366.742)	(2.263.985.157)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	5.650.000	43.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(210.319.000)	(2.782.720.407)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.503.590.046	(60.116.273.633)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.10	(3.898.554.891)	(12.858.637.312)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		104.776.136	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(58.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	29.700.000.000	8.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3; V.5	2.768.377.226	2.985.444.897
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.325.401.529)	(1.473.192.415)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a,b	(13.330.394.344)	(18.289.256.775)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a,V.22	(5.899.905.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.230.299.344)	(18.289.256.775)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.052.110.827)	(79.878.722.823)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	49.115.441.926	128.994.164.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		33.063.331.099	49.115.441.926


Nguyễn Thị Xuân Tựu
Người lập biểu


Trần Thị Lục Hà
Kế toán trưởng

Phú Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018


Lê Xuân Triết
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch (mã ngành 3600);
- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước (mã ngành 7110);
- Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước (mã ngành 4290);
- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 4663);
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống cống, gối đỡ cống, tấm đan (mã ngành 2395);
- Gia công phụ kiện chuyên ngành nước như BB, BU, côn, cút, tê (mã ngành 2599);
- Sản xuất cát, sỏi lọc nước (mã ngành 2399);
- Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 2013);
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị) (mã ngành 3700).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo quyết định số 468/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với những nội dung sau :

- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : PWS
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch : 23.600.000 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán giao dịch : 236.000.000.000 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xi nghiệp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Tư vấn và Xây lắp	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 1	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do năm tài chính năm trước từ ngày 10 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty và năm tài chính năm nay từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 214 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 212 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thay thế đầu nối, giấy phép quyền khai thác nước và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thay thế đầu nối

Chi phí thay thế đầu nối được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giấy phép quyền khai thác nước

Chi phí cấp phép quyền khai thác nước phát sinh một lần có giá trị không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình được phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 10
Tài sản cố định khác	05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.

Giấy phép quyền khai thác nước

Chi phí cấp phép quyền khai thác nước phát sinh một lần có giá trị lớn hơn 30 triệu được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và tính khấu hao theo thời hạn hiệu lực được cấp phép.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	207.342	7.967.846
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.963.123.757	5.607.474.080
Các khoản tương đương tiền	28.100.000.000	43.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	28.100.000.000	43.500.000.000
Cộng	33.063.331.099	49.115.441.926

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	2.410.890.922	4.082.187.714
Phải thu khách hàng sử dụng nước sạch	928.084.603	1.098.715.178
Ban quản lý các Công trình đầu tư và Xây dựng cơ bản huyện Tuy An	926.429.000	926.429.000
Công An tỉnh Phú Yên	52.297.000	522.965.000
Phòng Quản lý đô thị TP. Tuy Hòa - UBND thành phố Tuy Hòa	-	318.640.000
Các khách hàng khác	504.080.319	1.215.438.536
Cộng	2.410.890.922	4.082.187.714

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>485.193.560</i>	<i>182.251.400</i>
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng WATECH	-	87.000.000
Công ty TNHH 522	-	40.600.000
Công ty Cổ phần xây dựng Cấp thoát nước số 12	147.809.445	-
DNTN Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Tiến Thu	300.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	37.384.115	54.651.400
Cộng	485.193.560	182.251.400

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.823.181.988</i>	-	<i>776.177.042</i>	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	672.139.171	-	362.701.465	-
Phải thu người lao động	37.055.380	-	164.290.305	-
Phải thu các trạm cấp nước	1.046.090.937	-	234.958.422	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	67.896.500	-	14.226.850	-
Cộng	1.823.181.988	-	776.177.042	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.175.322.570	-	2.533.808.888	-
Công cụ, dụng cụ	3.165.000	-	111.939.414	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	614.430.090	-	127.002.407	-
Thành phẩm	5.762.059	-	303.377	-
Cộng	2.798.679.719	-	2.773.054.086	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	16.033.335	12.678.668
Chi phí bảo hiểm	66.748.042	48.781.515
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.065.952	183.510.618
Cộng	115.847.329	244.970.801

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	727.779.422	917.242.641
Lợi thế kinh doanh	135.094.756	291.978.976
Chi phí thay thế đầu nổi	3.078.884.858	3.152.602.955
Giấy phép khai thác nước	32.967.680	392.312.751
Các chi phí trả trước dài hạn khác	816.954.082	580.851.958
Cộng	4.791.680.798	5.334.989.281

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	115.301.394.057	43.861.460.240	373.057.604.885	624.784.545	36.459.091	532.881.702.818
Mua trong năm	-	34.000.000	-	-	-	34.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	907.291.033	216.193.976	1.870.345.481	-	-	2.993.830.490
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(335.000.000)	-	-	(335.000.000)
Phân loại lại tài sản	(224.655.996)	52.383.268	-	172.272.728	-	-
Điều chỉnh quyết toán công trình năm trước	1.115.760	-	-	-	-	1.115.760
Số cuối năm	115.985.144.854	44.164.037.484	374.592.950.366	797.057.273	36.459.091	535.575.649.068
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	324.240.273	3.176.281.331	91.302.395	36.181.818	36.459.091	3.664.464.908
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	49.290.968.748	19.405.751.217	135.439.291.600	284.236.761	34.471.851	204.454.720.177
Khấu hao trong năm	5.068.688.780	2.816.901.032	12.589.680.737	75.632.553	1.987.240	20.552.890.342
Phân loại lại tài sản	-	(46.613.628)	-	46.613.628	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(236.381.149)	-	-	(236.381.149)
Số cuối năm	54.359.657.528	22.176.038.621	147.792.591.188	406.482.942	36.459.091	224.771.229.370
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	66.010.425.307	24.455.709.023	237.618.313.285	340.547.784	1.987.240	328.426.982.641
Số cuối năm	61.625.487.326	21.987.998.863	226.800.359.178	390.574.331	-	310.804.419.698
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính	Quyền khai thác tài nguyên nước	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	309.000.000	-	456.886.636	765.886.636
Tăng do phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	544.507.253	-	544.507.253
Số cuối năm	309.000.000	544.507.253	456.886.636	1.310.393.889
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	66.876.238	66.876.238
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	131.315.380	-	128.789.553	260.104.933
Khấu hao trong năm	61.331.988	60.585.612	39.129.360	161.046.960
Tăng do phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	126.318.986	-	126.318.986
Số cuối năm	192.647.368	186.904.598	167.918.913	547.470.879

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chương trình phần mềm máy tính	Quyền khai thác tài nguyên nước	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	177.684.620	-	328.097.083	505.781.703
Số cuối năm	116.352.632	357.602.655	288.967.723	762.923.010
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	3.003.306.106	4.434.273.173	(2.993.830.490)	(781.848.169)	3.661.900.620
<i>Di dời hệ thống cấp nước thuộc dự án mở rộng QL 1A (*)</i>	2.912.908.493	55.179.883	-	-	2.968.088.376
<i>Xây dựng giếng thu nước mặt, công suất 5.000 m³/ngày đêm (Hòa An)</i>	18.951.330	2.366.975.153	(2.382.290.119)	(3.636.364)	-
<i>Cải tạo trạm bơm cấp II của nhà máy nước Chi Thanh và cải tạo một số tuyến ống dịch vụ khách hàng khu vực TP Tuy Hòa</i>	71.446.283	176.836.220	(158.326.896)	(89.955.607)	-
<i>Phát triển mạng tuyến ống bên trong khu nhà ở CBCS Công an tỉnh Phú Yên</i>	-	263.663.938	(258.413.592)	(5.250.346)	-
<i>Cải tạo, sửa chữa các trạm cấp nước và trụ sở làm việc các nhà máy nước năm 2017</i>	-	604.225.877	-	(604.225.877)	-
<i>Các công trình khác</i>	-	967.392.102	(194.799.883)	(78.779.975)	693.812.244
Cộng	3.003.306.106	4.434.273.173	(2.993.830.490)	(781.848.169)	3.661.900.620

(*) Về kinh phí di dời hệ thống cấp nước để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua địa phận tỉnh Phú Yên đã sử dụng vốn của Công ty để thực hiện tính đến 31/12/2017 là 2.968.088.376 VND, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo xin vốn hoàn trả cho Công ty theo Thông báo 732/TB-UBND ngày 09/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng chi phí tiền lương. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	569.000.000
Số cuối năm	569.000.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Giá trị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn còn tồn kho cuối năm.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.602.588.471	2.099.265.559
Công ty Cổ phần xây dựng Cấp thoát nước số 12	-	572.440.555
Công ty TNHH Xây dựng Ân Khoa	343.662.007	474.389.579
Công ty TNHH Xây lắp Kim Tiền	268.500.000	-
Công ty Cổ phần SAMECO	223.654.000	-
Các nhà cung cấp khác	766.772.464	1.052.435.425
Cộng	1.602.588.471	2.099.265.559

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của người mua khác	33.240.894	1.000.000
Khách hàng lắp đặt đồng hồ	-	1.000.000
Phải thu khách hàng sử dụng nước sạch	33.240.894	-
Cộng	33.240.894	1.000.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	354.603.010	-	2.882.997.225	(2.979.650.137)	257.950.098	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	614.867.209	-	3.958.618.590	(3.313.366.742)	1.260.119.057	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.187.217	-	65.202.953	(81.134.699)	-	7.744.529
Thuế tài nguyên	197.634.595	-	2.116.920.480	(2.134.011.395)	180.543.680	-
Thuế nhà đất	-	-	20.778.913	(20.150.159)	628.754	-
Phí bảo vệ môi trường	72.022.860	-	1.874.695.468	(1.490.263.051)	456.455.277	-
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
Cộng	1.247.314.891	-	10.926.213.629	(10.025.576.183)	2.155.696.866	7.744.529

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Khai thác và cung cấp nước sạch	5%
Xây lắp, tư vấn, thiết kế	10%
Bán vật tư	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.714.733.756	9.165.431.318
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.078.359.195	241.721.581
Thu nhập chịu thuế	19.793.092.951	9.407.152.899
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.958.618.590	1.881.430.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	22.944.275
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.958.618.590	1.904.374.855

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên để sản xuất nước sạch với mức thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
Nước mặt	3.000	1%
Nước mặt (áp dụng sau ngày 11/11/2017)	4.000	1%
Nước ngầm	6.000	5%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả cho người lao động và Ban điều hành, quản lý (*)	3.759.961.338	4.194.362.601
Dự phòng tiền lương phải trả (**)	2.845.000.000	-
Cộng	6.604.961.338	4.194.362.601

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Quỹ tiền lương trong năm được tính theo Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 17/5/2017 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, quỹ lương và thù lao người quản lý Công ty năm 2017.

(**) Khoản dự phòng tiền lương năm 2018 cho người lao động theo Quyết định số 189/QĐ-CTN ngày 29/12/2017 của Giám đốc với tỷ lệ 16,56% quỹ lương thực hiện của năm 2017.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.770.498.293</i>	<i>1.383.611.624</i>
Chi phí lãi vay phải trả	769.342.488	855.279.538
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.001.155.805	528.332.086
Cộng	1.770.498.293	1.383.611.624

18. Phải trả ngắn hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.547.697.162</i>	<i>3.628.649.599</i>
Kinh phí công đoàn	104.530.375	91.649.536
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	36.531	-
Phải trả về cổ phần hóa	-	3.252.211.486
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	95.000	-
Chi phí khắc phục bão	935.165.047	-
Nợ khó đòi thu hồi được phải nộp về ngân sách tỉnh	5.327.700	5.144.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	502.542.509	279.643.677
Cộng	1.547.697.162	3.628.649.599

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác</i>	<i>13.330.394.344</i>	<i>13.330.394.344</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	13.330.394.344	13.330.394.344
Cộng	13.330.394.344	13.330.394.344

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.330.394.344	4.958.862.431
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	13.330.394.344	26.660.788.688
Số tiền vay đã trả	(13.330.394.344)	(18.289.256.775)
Số cuối năm	13.330.394.344	13.330.394.344

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	117.946.930.806	131.277.325.150
<i>Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên</i>	<i>117.946.930.806</i>	<i>131.277.325.150</i>
Cộng	117.946.930.806	131.277.325.150

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên theo các Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty như sau:

Hiệp định vay vốn AFD ngày 02/4/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 2.379.000 EUR nhằm mục đích đầu tư về “Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ ba - ADB”, thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 26 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 31/10/2011. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

Hiệp định vay vốn ADB ngày 26/7/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 10.743.000 USD nhằm mục đích đầu tư về “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB-TA No3323-VIE, tỉnh Phú Yên”, thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 32 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 30/4 và 31/10 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 31/10/2008. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	13.330.394.344	13.330.394.344
Trên 1 năm đến 5 năm	53.321.577.376	53.321.577.376
Trên 5 năm	64.625.353.430	77.955.747.774
Cộng	131.277.325.150	144.607.719.494

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	131.277.325.150	157.938.113.838
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(13.330.394.344)	(26.660.788.688)
Số cuối năm	117.946.930.806	131.277.325.150

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	182.526.411	333.127.879	4.920.000	(180.289.000)	340.285.290
Quỹ phúc lợi	56.146.412	333.127.879	730.000	(30.030.000)	359.974.291
Cộng	238.672.823	666.255.758	5.650.000	(210.319.000)	700.259.581

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	236.000.000.000	363.052.823	-	236.363.052.823
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.261.056.463	7.261.056.463
Trích lập các quỹ	-	-	(726.105.646)	(726.105.646)
Số dư cuối năm trước	236.000.000.000	363.052.823	6.534.950.817	242.898.003.640
Số dư đầu năm nay	236.000.000.000	363.052.823	6.534.950.817	242.898.003.640
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	13.325.115.166	13.325.115.166
Trích lập các quỹ	-	1.332.511.517	(1.998.767.275)	(666.255.758)
Chia cổ tức năm từ lợi nhuận năm trước	-	-	(5.900.000.000)	(5.900.000.000)
Số dư cuối năm nay	236.000.000.000	1.695.564.340	11.961.298.708	249.656.863.048

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	147.406.000.000	147.406.000.000
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	82.600.000.000	82.600.000.000
Các cổ đông khác	5.994.000.000	5.994.000.000
Cộng	236.000.000.000	236.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.600.000	23.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2017 ngày 04/10/2017 và tạm phân phối lợi nhuận theo Điều lệ hoạt động Công ty như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.332.511.517
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 666.255.758
• Chia cổ tức năm 2016	: 5.900.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

Công ty nhận giữ hộ tài sản của Ủy Ban Nhân dân thành phố Tuy Hòa là hệ thống xử lý nước thải thành phố Tuy Hòa (bao gồm cả xe ô tô tải Mitsubishi và xe hút chất thải Hino) với nguyên giá tài sản là 147.621.646.938 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	365.569.133	756.040.375
Doanh thu cung cấp nước sạch	88.632.438.095	81.551.692.395
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.875.084.768	3.778.029.439
Doanh thu hợp đồng xây dựng ⁽ⁱ⁾	845.600.835	3.104.540.372
Cộng	92.718.692.831	89.190.302.581

⁽ⁱ⁾ Doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận trong kỳ là của các công trình xây dựng đã hoàn thành.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	312.122.806	591.070.029
Giá vốn cung cấp nước sạch	36.940.864.726	36.224.133.653
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.468.474.299	3.014.089.377
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	354.539.083	2.268.870.829
Cộng	40.076.000.914	42.098.163.888

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.077.814.932	2.851.972.011
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.069.929	31.688.266
Cộng	3.095.884.861	2.883.660.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.302.848.637	5.705.985.609
Chi phí vật liệu, bao bì	4.026.197.759	4.612.782.081
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.590.715	58.003.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.631.711.865	13.104.631.209
Các chi phí khác	295.724.886	272.526.754
Cộng	21.275.073.862	23.753.928.951

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.214.919.584	6.115.524.063
Chi phí vật liệu quản lý	381.965.634	402.306.810
Chi phí đồ dùng văn phòng	375.730.561	512.905.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	528.643.415	635.689.682
Thuế, phí và lệ phí	11.839.408	41.242.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.971.095	546.211.856
Các chi phí khác	1.396.867.537	946.341.155
Cộng	9.570.937.234	9.200.221.977

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.157.285	-
Thu tiền thanh lý công cụ, dụng cụ, vật tư thu hồi	195.454.545	-
Thu tiền nhận tài trợ dự án	-	2.575.854.257
Thu nhập khác	226.952.949	253.346.878
Cộng	428.564.779	2.829.201.135

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường tai nạn lao động	61.676.000	-
Chi phí khác	37.261.055	1.534.810
Cộng	98.937.055	1.534.810

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.325.115.166	7.261.056.463
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(666.255.758)	(363.052.823)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	12.658.859.408	6.898.003.640
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	23.600.000	23.600.000
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	536	292

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 293 VND xuống còn 292 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.859.756.997	19.574.538.863
Chi phí nhân công	26.380.193.826	24.439.091.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.713.937.302	22.991.988.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.052.893.020	3.635.601.112
Chi phí khác	4.131.998.878	3.689.827.378
Cộng	71.138.780.023	74.331.047.745

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thành viên quản lý chủ chốt		
Công ty thanh toán cổ tức	11.425.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ tiền lương	1.601.878.999	1.242.818.564
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	182.400.000	254.225.000
Các khoản tiền thưởng, phúc lợi khác	2.289.000	133.245.642
Cộng	1.786.567.999	1.630.289.206

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Cổ đồng góp 62,46% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	Cổ đồng góp 35% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên		
Công ty thanh toán cổ tức	3.685.150.000	-
Công ty Cổ phần Nước Aqua One		
Công ty thanh toán cổ tức	2.065.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu không đáng kể và trong một khu vực địa lý là địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Năm trước, Công ty đã điều chỉnh số liệu theo Kết luận Thanh tra số 1510/KL-STC, ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Sở Tài chính tỉnh Phú Yên.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.036.460.214	45.727.500	4.082.187.714
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.189.268.596	58.046.295	1.247.314.891
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	239.288.763	(615.940)	238.672.823
Quỹ đầu tư phát triển	418	363.668.763	(615.940)	363.052.823
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	6.546.037.732	(11.086.915)	6.534.950.817



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	89.146.752.581	43.550.000	89.190.302.581
Giá vốn hàng bán	11	42.041.731.913	56.431.975	42.098.163.888
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	47.105.020.668	(12.881.975)	47.092.138.693
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.904.938.035	(563.180)	1.904.374.855
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	293	1	292
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	9.178.313.293	(12.881.975)	9.165.431.318
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.751.459.122	(43.550.000)	6.707.909.122
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(89.605.073.583)	56.431.975	(89.548.641.608)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	1.602.588.471	-	-	1.602.588.471
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	64.625.353.430	131.277.325.150
Các khoản phải trả khác	3.213.628.549	-	-	3.213.628.549
Cộng	18.146.611.364	53.321.577.376	64.625.353.430	136.093.542.170
Số đầu năm				
Phải trả người bán	2.099.265.559	-	-	2.099.265.559
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	77.955.747.774	144.607.719.494
Các khoản phải trả khác	4.920.611.687	-	-	4.920.611.687
Cộng	20.350.271.590	53.321.577.376	77.955.747.774	151.627.596.740

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.063.331.099	-	49.115.441.926	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.000.000.000	-	5.700.000.000	-
Phải thu khách hàng	2.410.890.922	-	4.082.187.714	-
Các khoản phải thu khác	1.823.181.988	-	776.177.042	-
Cộng	71.297.404.009	-	59.673.806.682	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	1.602.588.471	2.099.265.559
Vay và nợ	131.277.325.150	144.607.719.494
Các khoản phải trả khác	3.213.628.549	4.920.611.687
Cộng	136.093.542.170	151.627.596.740

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Nguyễn Thị Xuân Tựu
Người lập biểu


Trần Thị Lục Hà
Kế toán trưởng

Phú Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Lê Xuân Triết
Giám đốc